



Ý KIẾN GÓP Ý RÀO CẢN THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ VÀ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

AmCham Việt Nam tin rằng cách tốt nhất để giảm thâm hụt thương mại giữa Hoa Kỳ và Việt Nam là tăng lượng xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Việt Nam thông qua việc xóa bỏ các rào cản thuế quan và phi thuế quan đối với cả hàng hóa và dịch vụ do các công ty Hoa Kỳ cung cấp. Để đóng góp cho các cuộc đàm phán thuế quan giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, chúng tôi gửi danh sách các "yêu cầu" cụ thể liên quan đến các rào cản phi thuế quan đối với thương mại và đầu tư tại Việt Nam.

Các vấn đề nêu ra ở đây theo thứ tự từ thấp lên, tổng hợp tất cả ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp Hoa Kỳ, các doanh nghiệp từ nhiều lĩnh vực, từ các công ty đa quốc gia đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các vấn đề này là bản tóm tắt và theo yêu cầu, chúng tôi có thể cung cấp các ví dụ cụ thể cho từng vấn đề.

Mặc dù thuế quan đã tạo ra rủi ro và sự bất ổn đáng kể cho nhiều doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam, chúng tôi vẫn hy vọng vào kết quả tươi sáng bao gồm các giải pháp chắc chắn từ cuộc đàm phán cho vấn đề rào cản phi thuế quan mà doanh nghiệp Hoa Kỳ đã phải đối mặt trong nhiều năm qua, và mức thuế quan bằng 0 được áp dụng cho cả hai quốc gia.

1. Yêu cầu về Cấp phép, Thử nghiệm và Chứng nhận

Chế độ an toàn sản phẩm của Việt Nam thường vượt quá các tiêu chuẩn được quốc tế chấp nhận, dẫn đến các yêu cầu không cần thiết gây gánh nặng, làm tăng chi phí, thời gian và sự bất định trong kinh doanh.

1.1. Kiểm tra dựa trên lô hàng

Đối với một số sản phẩm nhất định, Việt Nam yêu cầu thử nghiệm và chứng nhận cho mỗi lô hàng, ngay cả khi sản phẩm giống hệt nhau và được chứng nhận bởi một phòng thí nghiệm được quốc tế công nhận. Hầu hết các nền kinh tế tiên tiến, bao gồm cả Hoa Kỳ, sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro với thử nghiệm định kỳ thay vì thử nghiệm cụ thể cho lô hàng. Khung pháp lý riêng của Việt Nam cho phép các biện pháp hiệu quả như vậy, nhưng trên thực tế, các nhân viên hải quan thường mặc định áp dụng cách giải thích hạn chế nhất và yêu cầu chứng nhận bổ sung.

1.2. Cấp phép cho thiết bị y tế

Thời gian đăng ký thiết bị y tế dài hơn đáng kể so với thời hạn theo luật định của Việt Nam. Ngoài ra, các nhà nhập khẩu sản phẩm không có mục đích y tế như thiết bị spa và phòng tập thể dục được hải quan yêu cầu phải xin giấy phép là thiết bị y tế mặc dù các sản phẩm đó không có mục đích y tế. Những sự chậm trễ này dẫn đến mất doanh số trong nhiều tháng.



1.3. Công bố thông tin

Hải quan Việt Nam tăng cường yêu cầu công bố đầy đủ công thức sản phẩm, bao gồm 100% các chất không nguy hại. Điều này khác với các thông lệ quốc tế, chẳng hạn như WTO và WCO, chỉ yêu cầu công bố thành phần nguy hại vượt quá ngưỡng nhất định. Điều này đặc biệt gây ra vấn đề đối với các sản phẩm có rủi ro thấp như chất tẩy rửa gia dụng hoặc keo dán xây dựng, khi việc công bố đầy đủ có thể làm tổn hại đến bí mật thương mại mà không tăng cường an toàn.

1.4. Tiêu chuẩn không phù hợp

Việt Nam vẫn chưa hoàn toàn thống nhất các tiêu chuẩn kỹ thuật của mình trên nhiều lĩnh vực với các đối tác thương mại lớn. Điều này dẫn đến các yêu cầu thử nghiệm trùng lặp và không nhất quán trong và sau quá trình hải quan, làm chậm trễ hơn nữa việc đưa sản phẩm vào thị trường và làm tăng chi phí.

2. *Những hạn chế về phạm vi kinh doanh và tiếp cận thị trường*

Các doanh nghiệp do Hoa Kỳ đầu tư bao gồm cả các nhà nhập khẩu sản phẩm của Hoa Kỳ phải đối mặt với những hạn chế hoạt động mà những hạn chế này không áp dụng cho các công ty trong nước.

2.1. Chênh lệch trong công tác cấp phép bán lẻ

Việt Nam yêu cầu các công ty có vốn đầu tư nước ngoài phải vượt qua “Kiểm tra nhu cầu kinh tế” cho mỗi cửa hàng bán lẻ mà họ muốn mở. Các công ty Việt Nam không bắt buộc phải xin giấy phép bán lẻ trừ khi họ nhận được đầu tư nước ngoài. Khi một công ty trở thành công ty có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), giấy phép bán lẻ sẽ được yêu cầu—một quá trình thường mất từ 9 đến 10 tháng. Trong thời gian này, các doanh nghiệp có thể được yêu cầu tạm dừng hoạt động bán lẻ, tạo ra tác động tiêu cực đến đầu tư nước ngoài.

2.2. Đối xử bất bình đẳng về tài chính và điều khoản kinh doanh

Các công ty FDI bị hạn chế cho thuê hoặc cho mượn thiết bị mà họ bán hoặc phân phối tại Việt Nam, ngay cả khi thiết bị được sản xuất tại Việt Nam. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng của các nhà nhập khẩu có vốn đầu tư nước ngoài khi đưa ra chào hàng mang tính cạnh tranh cho người mua, mà còn cản trở việc tài trợ ngân hàng.

Chúng tôi lưu ý rằng nhiều quốc gia khác không phải chịu các hạn chế trên do một phần của hiệp định thương mại tự do với Việt Nam, vì vậy các nhà đầu tư và nhà xuất khẩu Hoa Kỳ đang ở thế bất lợi rõ rệt về những vấn đề này.

3. *Gánh nặng pháp lý và quy định về nhập khẩu*



Các thủ tục nhập khẩu của Việt Nam thường được các thành viên AmCham mô tả là thiếu minh bạch, được thực thi không nhất quán và quá phức tạp

3.1. Tranh chấp về phân loại

Các nhân viên hải quan thường áp dụng các mã Hệ thống Hải hòa (HS) có mức thuế quan cao nhất, bất kể mô tả sản phẩm thực tế hay các tiêu chuẩn phân loại quốc tế. Các Quy tắc chung về giải thích của WCO được áp dụng không nhất quán và các phản hồi kháng cáo thường vượt quá thời hạn theo luật định là 60–90 ngày, đôi khi là nhiều tháng. Người nhập khẩu được yêu cầu trả mức thuế cao hơn trong thời gian tạm thời, tạo ra căng thẳng về tài chính

3.2. Cách áp dụng pháp lý

Các viên chức hải quan thường tỏ ra không quen thuộc với sự khác biệt giữa các văn bản pháp lý chính (như Nghị định) và các Thông tư. Điều này dẫn đến việc áp dụng sai các quy tắc và gánh nặng không cần thiết, bao gồm cả việc thử nghiệm nhiều lần cùng một sản phẩm ngay cả khi có chứng nhận quốc tế.

3.3. Quy định vượt quá thẩm quyền

Các sản phẩm được loại trừ khỏi các thủ tục nhập khẩu hạn chế - chẳng hạn như vật liệu xây dựng hoàn thiện được miễn theo các nghị định thực hiện - vẫn phải chịu giấy phép nhập khẩu hóa chất đầy đủ do các nhân viên hải quan quá thận trọng hoặc diễn giải thiếu thông tin.

3.4. Thiếu cơ chế giải quyết nội bộ

Cơ quan hải quan dường như thiếu các cơ chế nội bộ hợp lý để giải quyết các vấn đề phân loại hoặc mơ hồ về quy định trước khi áp dụng hình phạt, dẫn đến chi phí đáng kể và chậm trễ.

3.5. Thách thức tính nhất quán của quy định tại Việt Nam

Việt Nam đang phải đối mặt với các vấn đề mang tính liên tục về tính nhất quán của quy định do sự chồng chéo trong nhiệm vụ giữa các bộ và việc giải thích luật không nhất quán giữa các tỉnh. Mặc dù các quy định quốc gia có thể rõ ràng, các bộ thường ban hành hướng dẫn mâu thuẫn và chính quyền tỉnh áp dụng các quy tắc khác nhau

3.6. Sự cần thiết của Hội đồng tạo thuận lợi thương mại

Để đạt được tiến triển thực sự về các vấn đề này, chúng tôi đề xuất một “Ủy ban tạo thuận lợi thương mại Hoa Kỳ-Việt Nam” để giám sát tiến độ thực hiện và kết quả liên quan đến các vấn đề nêu trên. Đây phải là một cơ quan cấp chính phủ có thẩm quyền yêu cầu các bộ và tỉnh khác nhau chịu trách nhiệm thực hiện luật pháp và cam kết của Việt Nam. Cơ quan này phải bao gồm sự tham gia của các doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam và báo cáo về



thời gian giải phóng hàng hóa, các cuộc kiểm tra chuyên ngành và tranh chấp để có thể theo dõi tiến độ.

3.7. Đường dây nóng giải quyết những vấn đề thương mại

Đối với các công ty Hoa Kỳ có hàng hóa đang chờ thông quan tại cảng Việt Nam, cần có nhiều giải pháp ngắn hạn hơn. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nên bổ sung “Đường dây nóng tạo thuận lợi thương mại” có thẩm quyền tương đương với hội đồng trên và có đội ngũ nhân viên am hiểu sâu sắc, giải quyết nhanh chóng các vấn đề và ghi nhận cơ sở tranh chấp hoặc nguyên nhân gây chậm trễ.

4. *Rủi ro thanh toán và sự chậm trễ*

Các công ty Hoa Kỳ tại Việt Nam phải đối mặt với rủi ro thanh toán đáng kể, bao gồm việc thanh toán chậm trễ hoặc vỡ nợ từ cả khách hàng tư nhân và khu vực công.

4.1. Rủi ro thanh toán nhà thầu

- Nhiều nhà phát triển dự án không đủ vốn và không được yêu cầu xuất trình bằng chứng về năng lực tài chính.
- Các nhà phát triển dự án thường chuyển tiền từ một dự án để tài trợ cho các dự án khác, mặc dù luật pháp cấm hành vi này.
- Không có hệ thống đăng ký tín dụng quốc gia hiệu quả nào để giám sát hoặc xử phạt các công ty có lịch sử thanh toán kém.
- Giấy phép vẫn tiếp tục được cấp cho các nhà phát triển dự án được ghi nhận có lịch sử không thanh toán.
- Trong các dự án do nhà nước sở hữu, tình trạng chậm thanh toán thậm chí còn rõ rệt hơn và hoạt động mua sắm công thường do các mối quan hệ cá nhân hơn là năng lực tài chính.
- Các nhà thầu chính, sau khi được thanh toán, có thể ưu tiên các nghĩa vụ của mình hơn là các khoản phải thanh toán của nhà thầu phụ.

Các vấn đề này làm tăng đáng kể chi phí kinh doanh và gây rủi ro cho các nhà xuất khẩu và nhà đầu tư Hoa Kỳ.



4.2. Thuế

4.2.1. Sự chậm trễ hoàn thuế GTGT

Việc hoàn thuế giá trị gia tăng, ngay cả khi được tính toán rõ ràng và đến hạn theo Tổng cục Thuế, vẫn bị trì hoãn trong nhiều năm và không có thời hạn hoặc biện pháp khắc phục. Điều này cũng áp dụng cho các loại hoàn thuế khác.

4.2.2. Xuất nhập khẩu tại chỗ

Việc Hải quan áp dụng không nhất quán các quy định hướng dẫn về xuất nhập khẩu tại chỗ - dẫn đến việc các nhà sản xuất xuất khẩu của Việt Nam không thể yêu cầu hoàn thuế GTGT từ các sở Thuế địa phương

4.2.3. Thuế kép

Các công ty Hoa Kỳ phải đối mặt với những rào cản đáng kể trong việc nộp đơn xin miễn thuế hai lần lên Tổng cục Thuế (GDT) theo các hiệp định thuế song phương mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết với các chính phủ của các quốc gia khác. Mặc dù tuân thủ luật thuế, các quy định và thủ tục theo chế độ Thuế nhà thầu nước ngoài (FCT) tại Việt Nam, các công ty Hoa Kỳ vẫn phải đối mặt với sự chậm trễ kéo dài của Tổng cục Thuế trong việc xem xét đơn, và việc từ chối các đơn xin hoàn thuế của họ, không phù hợp với tinh thần và nguyên tắc của các hiệp định thuế song phương.

4.2.4. Thiếu sự nhất quán giữa các tỉnh thành

Việc áp dụng các yêu cầu hoàn thuế không nhất quán giữa các tỉnh thành khác nhau. Doanh nghiệp không thể sử dụng thư phản hồi chính thức từ một cơ quan về cùng một vấn đề hoàn thuế làm bằng chứng pháp lý các tỉnh thành khác nhau.

5. Dịch vụ số và Sở hữu trí tuệ (IP)

5.1. Rào cản thương mại kinh tế số

Giải quyết các rào cản kỹ thuật được nêu trong phần Kinh tế số của Dự toán Thương mại Quốc gia năm 2025, bao gồm nhưng không giới hạn ở:

- Luật an ninh mạng
- Quy định về dịch vụ nội dung trên Internet
- Quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân
- Luật giao dịch điện tử

Ngoài ra, một luật thương mại điện tử mới hiện đang được soạn thảo. Hy vọng rằng nhóm soạn thảo sẽ giải quyết và làm rõ định nghĩa về nền tảng thương mại điện tử, điều chỉnh theo các tiêu chuẩn được công nhận trên toàn cầu và giải quyết những điểm mơ hồ hiện có trong nghị định thương mại điện tử hiện tại.



5.2. Quyền sở hữu trí tuệ

Việt Nam cần đẩy nhanh tiến trình đăng ký và gia hạn Quyền Sở hữu trí tuệ và cam kết về mốc thời gian rõ ràng để đưa Tòa án Sở Hữu Trí Tuệ (SHTT) vào hoạt động. Ngoài ra, mặc dù có những tiến triển gần đây, vẫn cần phải nỗ lực hơn nữa để tăng cường thực thi bảo vệ SHTT trên các trang web và nền tảng trực tuyến cũng như chống lại hành vi vi phạm SHTT trực tuyến sang ngoại tuyến và hàng giả.

6. Dịch chuyển nhân sự

6.1. Bất đối xứng của thị thực

Công dân Hoa Kỳ phải xin thị thực để nhập cảnh vào Việt Nam, trong khi công dân của 29 quốc gia—bao gồm hầu hết các quốc gia G7—được miễn thị thực. AmCham khuyến nghị mở rộng quyền nhập cảnh miễn thị thực cho công dân Hoa Kỳ để thúc đẩy sự tương hỗ thương mại và du lịch.

6.2. Những nút thắt của giấy phép lao động

Giấy phép lao động cho các chuyên gia nước ngoài có thể mất tới ba tháng để xử lý và chi phí từ 300–400 đô la Mỹ. Các yêu cầu này có thể được đơn giản hóa mà không ảnh hưởng đến các mục tiêu của chính phủ liên quan đến giám sát lao động hoặc an ninh quốc gia

7. Hạn chế về việc dịch chuyển vốn

Trong khi việc chuyển tiền vào Việt Nam nhìn chung khá đơn giản, việc chuyển tiền ra nước ngoài lại rất hạn chế và thường không thể dự liệu.

7.1. Chuyển tiền ra nước ngoài

Chuyển tiền ra khỏi Việt Nam là việc phức tạp, tốn kém và mất thời gian. Các yêu cầu vượt ra ngoài các biện pháp kiểm soát chống rửa tiền và dường như hoạt động như các biện pháp kiểm soát vốn không chính thức

7.2. Trả nợ vay sớm

Việc thanh toán các khoản vay nước ngoài trước thời hạn có thể mất tới hai tháng để xử lý, dẫn đến lãi suất không cần thiết và rủi ro về uy tín cho người vay.

7.3. Giới hạn ngân hàng trực tuyến

Cá nhân người Mỹ không được phép chuyển tiền ra nước ngoài thông qua ngân hàng trực tuyến, ngay cả khi:

- Đã nộp thuế cho các khoản tiền,
- Đã xác minh danh tính của người gửi thông qua quét khuôn mặt sinh trắc học,



- Các khoản tiền có nguồn gốc từ một tài khoản nước ngoài có thể theo dõi rõ ràng.

Các khoản chuyển tiền này vẫn phải được thực hiện trực tiếp, bất kể số tiền là bao nhiêu. Trong khi đó, không có hạn chế nào như vậy áp dụng cho các khoản chuyển tiền trong nước. Chính sách bất đối xứng này không phù hợp với các thông lệ ngân hàng tiêu chuẩn ở hầu hết các nền kinh tế lớn và dường như nhằm mục đích kiểm soát dòng tiền ngoại hối thay vì đảm bảo tính minh bạch

KẾT LUẬN:

Để cải thiện môi trường đầu tư và giảm rào cản thương mại, Việt Nam nên hài hòa các chính sách của mình với các tiêu chuẩn quốc tế, giảm việc thực thi tùy ý và xóa bỏ sự bất cân xứng gây bất lợi cho các công ty nước ngoài. Giải quyết những vấn đề này sẽ thúc đẩy thương mại song phương, khuyến khích đầu tư nước ngoài chất lượng cao và nâng cao vị thế của Việt Nam như một đối tác đáng tin cậy trong nền kinh tế toàn cầu.



BARRIERS TO TRADE, INVESTMENT, AND MARKET ACCESS IN VIETNAM

AmCham Vietnam believes that reducing the U.S. trade deficit with Vietnam is best achieved by increasing U.S. exports to Vietnam through the removal of tariff and non-tariff barriers on both goods and services provided by U.S. companies. To contribute to tariff negotiations between Vietnam and the U.S. we have provided a list of specific “asks” related to non-tariff barriers to trade and investment in Vietnam.

The issues raised herein are “bottom up”, representing the views of U.S. businesses on the ground, businesses from multiple sectors, from major multinationals to SME’s. These issues are a summary and upon request we can provide specific examples of each.

Though the tariffs have created significant risk and uncertainty for many American companies in Vietnam, we are hopeful that a “silver lining” result is firm and final resolution of significant non-tariff barriers that U.S. companies have faced for years, and a tariff rate of zero applied to imports from both countries.

1. Licensing, Testing, and Certification Requirements

Vietnam’s product safety regime often goes beyond internationally accepted norms, resulting in unnecessarily burdensome requirements that increase the cost, time, and uncertainty of doing business.

1.1. Shipment-Based Testing

For certain products Vietnam requires testing and certification for each shipment, even when the product is identical and certified by an internationally accredited lab. Most advanced economies, including the U.S., utilize a risk-based approach with periodic testing rather than shipment- specific testing. Vietnam’s own legal framework permits such efficiency measures, but in practice, customs officers often default to the most restrictive interpretation and request additional certification.

1.2. Licensing of Medical Devices

The time to register medical devices is significantly longer than the statutory timelines under Vietnam law. In addition, importers of products with no medical purpose such as spa and gym equipment are requested by customs to obtain a license as a medical device even though such products have no intended medical purpose. These delays result in months of lost sales.

1.3. Formulation Disclosure

Vietnam Customs has increasingly demanded full disclosure of product formulations,



including 100% of non-hazardous substances. This diverges from international best practices, such as those of the WTO and WCO, where only hazardous components above a certain threshold are typically required to be disclosed. This is especially problematic for low-risk products like household cleaners or building adhesives, where full disclosure may compromise trade secrets without enhancing safety.

1.4. Standards Misalignment

Vietnam has yet to fully align its technical standards across a variety of fields with those of major trade partners. This results in duplicate and inconsistent testing requirements during and after the customs process, further delaying product entry into the market and increasing cost.

2. *Restrictions on Business Scope and Market Access*

American-invested enterprises including importers of U.S. products, face operational limitations not imposed on domestic companies.

2.1. Retail Licensing Disparity

Vietnam requires foreign invested companies to pass an “Economic Needs Test” for each retail outlet it wishes to open. Vietnamese companies are not required to obtain retail licenses unless they receive foreign investment. Once a company becomes foreign-invested (FDI), retail licenses are mandated—a process that often takes 9 to 10 months. During this period, businesses may be required to suspend retail operations, creating a chilling effect on foreign investment.

2.2. Unequal Treatment on Financing and Terms of Sale

FDI companies are restricted from leasing or renting out equipment they sell or distribute in Vietnam even if the equipment is manufactured in Vietnam. These restrictions not only impact the ability of foreign invested importers to form competitive offers to buyers but also hinders bank financing.

We note that many other countries are not subject to the above restrictions due to being part of a free trade agreement with Vietnam, so U.S. investors and exporters are at a distinct disadvantage on these issues.

3. *Legal and Regulatory Burdens on Imports*

Vietnam’s import procedures are frequently described by AmCham members as opaque, inconsistently enforced, and overly complex.

3.1. Classification Disputes

Customs officers often apply the Harmonized System (HS) codes that carry the highest



tariff rates, regardless of the actual product description or international classification norms. The WCO's General Rules of Interpretation are inconsistently applied, and appeal responses often exceed the 60–90-day statutory window, sometimes by several months. Importers are required to pay the higher duty in the interim, creating financial strain.

3.2. Lack of Legal Familiarity

Customs officers often appear unfamiliar with distinctions between primary legal documents (such as Decrees) and their implementing Circulars. This results in misapplication of rules and unnecessary burdens, including repeated testing of the same product even when international certifications are provided.

3.3. Regulatory Overreach

Products that should be excluded from restrictive import procedures—such as finished building materials exempted under implementing decrees—are still subjected to full chemical import licensing due to overly cautious or uninformed interpretation by customs officers.

3.4. Lack of Internal Resolution Mechanisms

Customs agencies appear to lack streamlined internal mechanisms for resolving classification or regulatory ambiguities prior to imposing penalties, leading to significant cost and delayed.

3.5. Regulatory Coherence and Consistency Challenges in Vietnam

Vietnam faces ongoing issues with regulatory coherence due to overlapping mandates among ministries and inconsistent interpretation of laws across provinces. While national regulations may be clear, ministries often issue conflicting guidance, and provincial authorities apply rules differently.

3.6. Need for Trade Facilitation Board

To achieve real progress on these issues we recommend a “U.S.-Vietnam Trade Facilitation Board” which monitors progress on the actions and results related to the above. This should be a government level body with the authority to hold various ministries and provinces accountable for implementing Vietnam's laws and commitments. It should include the participation of U.S. owned businesses on the ground in Vietnam, and report on cargo release times and specialized inspections and disputes so that progress can be monitored.

3.7. Trade Resolution Hotline

For U.S. companies whose goods are awaiting clearance in a Vietnamese port, more short-term solutions are necessary. Therefore, we recommend the Addition of a “Trade Facilitation Hotline” with the same authority as the board above, and staffed by highly



knowledgeable who quickly address issues, and log the basis of disputes or causes of delays.

4. *Payment Risk and Delays*

American companies in Vietnam face significant payment risk, including delayed or defaulted payments from both private and public sector clients.

4.1. Contractor Payment Risk

- Many project developers are underfunded and are not required to show enforceable proof of financial capacity.
- Developers often divert funds from one project to finance others, despite laws prohibiting this behavior.
- There is no effective national credit registry to monitor or penalize companies with poor payment histories.
- Licenses continue to be issued to developers with documented histories of non-payment.
- In state-owned projects, payment delays are even more pronounced, and public procurement is often driven by personal relationships rather than financial capability.
- Contractors, once paid, may prioritize their own obligations over subcontractor payments.

This environment significantly increases the cost of doing business and introduces risk to U.S. exporters and investors.

4.2. Tax

4.2.1. VAT Refund Delays

Value-added tax refunds, even when clearly calculated and due per the General Department of Taxation, have been delayed for years without timeline or recourse. This also applies to other types of tax refunds.

4.2.2. On-the-Spot Export

Inconsistent application by Customs of the regulations guiding on the on-spot-export and import trade - resulting in an inability for Vietnam manufacturers/exporters to claim VAT Refunds from the local Taxation departments.

4.2.3. Double Taxation

US companies face significant barriers in their applications for double tax relief to the General Department of Taxation (GDT) under bilateral tax treaties entered by the Vietnamese government with other governments. Despite complying with the



domestic tax law, regulations and procedures under the Foreign Contractor Tax (FCT) regime in Vietnam, US companies face long delays by the GDT in reviewing their applications and unjustified rejections of their tax refund applications that are inconsistent with the spirit and principles of the bilateral tax treaties.

4.2.4. Lack of Consistency Across Locations

The application of tax refund requirements is inconsistent across different regions. Companies cannot use the same official response letter from one authority on an identical tax refund issue as legal evidence in another region.

5. *Digital Services and IP Protection*

5.1. Digital Trade Barriers

Addressing the technical barriers outlined in the Digital Trade section of the 2025 National Trade Estimate, including but not limited to:

- Cybersecurity law
- Internet-based content services regulations
- Personal data protection regulations
- Electronic transaction laws

Additionally, a new e-commerce law is currently being drafted. It's hoped that the drafting team will address and clarify the definition of e-commerce platforms, aligning it with globally recognized industry standards and resolving existing ambiguities in the current e-commerce decree.

5.2. Intellectual Property Rights

Vietnam needs to accelerate the process to register and renew Intellectual Property Rights and commit to a clear timeline to bring IP Courts into action. In addition, despite recent progress, more work needs to be done to strengthen the enforcement of IP protection on online websites and platforms as well as against online-to-offline IPR infringement and counterfeit products.



6. *Movement of People*

6.1. Visa Asymmetry

U.S. citizens must obtain a visa to enter Vietnam, while citizens of 29 countries—including most G7 nations—enjoy visa-free access. AmCham recommends extending visa-free entry to U.S. citizens to promote business and tourism reciprocity.

6.2. Work Permit Bottlenecks

Work permits for foreign professionals can take up to three months to process and cost between USD 300–400. These requirements could be streamlined without compromising the government’s objectives regarding labor oversight or national security.

7. *Restrictions on Movement of Capital*

While transferring money into Vietnam is generally straightforward, outbound transfers are highly restrictive and often unpredictable.

7.1. Outbound Remittances

Transferring money out of Vietnam is complex, costly, and time-consuming. Requirements go beyond anti-money laundering controls and appear to function as informal capital controls.

7.2. Early Loan Repayment

Repaying offshore loans ahead of schedule can take up to two months to process, resulting in unnecessary interest and reputational risk for the borrower.

7.3. Online Banking Limits

American individuals are not permitted to transfer funds abroad via online banking, even when:

- Taxes have been paid on the funds,
- The identity of the sender has been verified via biometric face scan,
- The funds originated from a clearly traceable foreign account.

These transfers must still be conducted in person, regardless of the amount. Meanwhile, no such restrictions apply to domestic transfers. This asymmetric policy is inconsistent with standard banking practices in most major economies and appears aimed at controlling foreign exchange flows rather than ensuring transparency.

CONCLUSION:

To improve the investment climate and reduce trade barriers, Vietnam should harmonize its policies with international standards, reduce discretionary enforcement,



and eliminate asymmetries that disadvantage foreign companies. Addressing these issues would boost bilateral trade, encourage high-quality foreign investment, and enhance Vietnam's standing as a reliable partner in the global economy.